

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN F.I.T**

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	6 - 9
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 12
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	13 - 60

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016102 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2007. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 34 lần được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật, ... trong đó thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 34 ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc thay đổi người đại diện pháp luật của doanh nghiệp và giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội
- Điện thoại : 024.7309 4688
- Fax : 024.7309 4686

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Các dịch vụ: tư vấn đầu tư, tư vấn mua doanh nghiệp (tư vấn M&A), tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn phát triển thị trường (không bao gồm tư vấn pháp luật tài chính); Tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý tài chính kinh doanh, tư vấn phát triển nguồn nhân lực (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính); Dịch vụ môi giới bất động sản; bãi đỗ xe và các công trình công cộng
- Và các ngành nghề kinh doanh khác./.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/hết nhiệm kỳ
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 5 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên	Tái bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 5 năm 2023
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Thành viên	Tái bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 5 năm 2023
Ông Vũ Anh Trọng	Thành viên độc lập	Tái bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 5 năm 2023
Ông Phạm Tuấn Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 5 năm 2023
Ông Đinh Quốc Hùng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 5 năm 2023
Ông Cao Trọng Hoan	Thành viên	Hết nhiệm kỳ từ ngày 24 tháng 5 năm 2023
Ông Đào Hữu Long	Thành viên độc lập	Hết nhiệm kỳ từ ngày 24 tháng 5 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Ngô Thu Trang	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 5 năm 2023
Ông Võ Đình Bảo	Thành viên	Tái bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 5 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thảo	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 5 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 5 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm toán nội bộ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đăng Vụ	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 15 tháng 12 năm 2022
Ông Phạm Đình Cường	Chuyên viên	Bổ nhiệm từ ngày 15 tháng 12 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Chuyên viên	Bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 6 năm 2023
Ông Đỗ Sơn Tùng	Chuyên viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 04 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Hoài	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 04 tháng 4 năm 2023
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2021
Ông Nguyễn Ngọc Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Bản	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2023
Ông Lê Việt Cường	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 09 năm 2022

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Từ ngày 08 tháng 11 năm 2021
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Tổng Giám đốc	Từ ngày 07 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Hoài	Tổng Giám đốc	Đến ngày 07 tháng 4 năm 2023

Ông Nguyễn Ngọc Bích đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Bản – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn theo Hợp đồng ủy quyền số 10/2023/HDUQ-FIT ngày 07 tháng 04 năm 2023.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
TUQ. Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Bản

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

Số: 2.0538/23/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 25 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 60, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

002
NH
TY
HỮU H
TƯ V
C
NỘI
P. H

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1
Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5, tòa Times Tower - HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.802.241.254.190	4.691.054.841.743
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26.993.531.876	129.067.828.987
1. Tiền	111		26.993.531.876	129.067.828.987
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		913.283.032.420	601.507.157.420
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	183.020.000.000	183.020.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(5.362.000.000)	(5.418.875.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	735.625.032.420	423.906.032.420
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.357.154.801.064	3.515.818.869.187
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	289.925.523.741	496.684.408.742
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	211.120.035.364	121.274.144.998
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	34.265.504.000	34.265.504.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	2.887.877.269.233	2.976.196.845.086
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(66.033.531.274)	(112.602.033.639)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	443.554.327.386	385.691.962.736
1. Hàng tồn kho	141		453.898.548.008	395.579.997.486
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.344.220.622)	(9.888.034.750)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		61.255.561.444	58.969.023.413
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	8.939.649.474	10.183.933.813
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		51.902.208.452	48.171.307.156
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.19a	413.703.518	613.782.444
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5, tòa Times Tower - HACCI Complex Building, 35 Lê Văn Lương, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.478.391.874.600	2.306.657.414.170
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.525.200.000	1.888.200.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	4.525.200.000	1.888.200.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		636.240.449.977	642.144.959.233
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	515.973.956.438	523.007.934.939
<i>Nguyên giá</i>	222		1.258.698.360.702	1.246.286.030.281
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(742.724.404.264)	(723.278.095.342)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	20.366.893.604	20.619.306.398
<i>Nguyên giá</i>	225		22.876.854.258	20.968.786.167
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2.509.960.654)	(349.479.769)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	99.899.599.935	98.517.717.896
<i>Nguyên giá</i>	228		114.066.649.897	111.623.299.897
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(14.167.049.962)	(13.105.582.001)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	108.398.905.715	108.935.642.225
<i>Nguyên giá</i>	231		122.172.433.422	122.172.433.422
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(13.773.527.707)	(13.236.791.197)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		239.893.405.707	222.646.192.931
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.14	10.997.932.516	10.124.764.609
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.15	228.895.473.191	212.521.428.322
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		908.729.471.367	707.856.564.950
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	840.397.260.117	639.524.353.700
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	68.332.211.250	68.332.211.250
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		580.604.441.834	623.185.854.831
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	44.388.778.315	43.205.547.879
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.24a	3.422.155.553	6.204.085.258
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.16	532.793.507.966	573.776.221.694
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.280.633.128.790	6.997.712.255.913

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5, tòa Times Tower - HACCI Complex Building, 35 Lê Văn Lương, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.383.136.933.821	1.133.146.634.995.
I. Nợ ngắn hạn	310		1.158.328.167.854	953.671.059.756
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	82.908.131.913	55.439.479.767
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	6.939.021.677	6.584.644.491
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19b	21.125.353.021	25.460.505.305
4. Phải trả người lao động	314		25.958.437.816	32.983.732.044
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	20.472.337.302	36.867.876.134
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.339.175.884	113.332.568
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	76.890.052.297	75.709.055.345
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	907.206.562.981	707.149.082.629
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	14.489.094.963	13.363.351.473
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		224.808.765.967	179.475.575.239
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	10.509.790.430	10.623.430.430
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	204.568.976.138	160.974.606.995
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24b	9.729.999.399	7.877.537.814
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5, tòa Times Tower - HACCI Complex Building, 35 Lê Văn Lương, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.897.496.194.969	5.864.565.620.918
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	5.897.496.194.969	5.864.565.620.918
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.399.330.340.000	3.399.330.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.399.330.340.000	3.399.330.340.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		74.895.160.642	74.895.160.642
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		80.481.887.391	80.481.887.391
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		646.388.781	646.388.781
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		298.598.208.858	293.405.349.182
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		291.663.981.421	293.405.349.182
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.934.227.437	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.043.544.209.297	2.015.806.494.922
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.280.633.128.790	6.997.712.255.913

Lập, ngày 25 tháng 8 năm 2023

TUQ Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thương

Lê Việt Cường

Nguyễn Văn Bản

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5, tòa Times Tower - HACCI Complex Building, 35 Lê Văn Lương, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	740.794.071.167	1.022.435.181.871
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	18.064.397.527	14.472.493.675
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		722.729.673.640	1.007.962.688.196
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	586.148.188.790	800.897.698.261
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		136.581.484.850	207.064.989.935
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	94.496.477.039	127.525.744.366
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	33.877.238.893	38.393.229.362
Trong đó: chi phí lãi vay	23		31.551.516.387	30.217.109.108
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(6.127.093.583)	(3.240.406.097)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	52.917.780.029	111.614.449.325
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	85.459.620.029	104.773.384.371
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.696.229.355	76.569.265.146
12. Thu nhập khác	31		2.663.283.523	4.155.471.484
13. Chi phí khác	32		652.922.957	1.046.784.299
14. Lợi nhuận khác	40		2.010.360.566	3.108.687.185
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		54.706.589.921	79.677.952.331
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		17.141.624.582	27.477.362.651
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		4.634.391.288	(1.860.342.410)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>32.930.574.051</u>	<u>54.060.932.090</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>6.934.227.437</u>	<u>27.655.668.315</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>25.996.346.614</u>	<u>26.405.263.775</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>20</u>	<u>94</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>20</u>	<u>94</u>

Lập, ngày 25 tháng 8 năm 2023

TUQ Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thương

Lê Việt Cường



Nguyễn Văn Bản

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5, tòa Times Tower - HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		54.706.589.921	79.677.952.331
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		73.602.720.424	75.203.734.631
- Các khoản dự phòng	03		(13.722.219.405)	5.207.926.190
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		275.035.948	941.117.884
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(21.130.729.795)	(40.270.479.257)
- Chi phí lãi vay	06		31.551.516.387	30.217.109.108
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		125.282.913.480	150.977.360.887
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		157.437.831.112	(890.857.621.461)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(61.778.289.646)	(22.835.781.102)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		15.802.646.776	(186.178.019.019)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		779.587.857	596.715.849
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	79.356.409.225
- Tiền lãi vay đã trả	14		(31.303.273.508)	(32.109.361.583)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.19	(23.378.695.781)	(24.573.980.189)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.874.256.510)	(755.391.315)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		180.968.463.780	(926.377.168.708)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(154.862.568.762)	(31.474.635.472)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.070.636.365	1.052.183.333
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(607.164.669.005)	(214.651.945.205)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		295.656.926.505	423.067.100.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2c	(207.000.000.000)	(185.912.851.600)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		142.602.648.731	18.966.584.513
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(529.697.026.166)	11.046.435.569

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5, tòa Times Tower - HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	3.000.000.000	1.153.798.167.444
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.22	1.234.034.971.726	2.292.135.750.745
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.22	(985.974.692.291)	(2.290.905.716.522)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35 V.22	(4.408.429.940)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	246.651.849.495	1.155.028.201.667
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(102.076.712.891)	239.697.468.528
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	129.067.828.987	162.433.758.581
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.415.780	90.928.784
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	26.993.531.876	402.222.155.893

Lập, ngày 25 tháng 8 năm 2023

TUQ Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thương

Lê Việt Cường



Nguyễn Văn Bản

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là Đầu tư tài chính, tư vấn tài chính và dịch vụ cho thuê bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là:

- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Các dịch vụ: tư vấn đầu tư, tư vấn mua doanh nghiệp (tư vấn M&A), tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn phát triển thị trường (không bao gồm tư vấn pháp luật tài chính); Tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý tài chính kinh doanh, tư vấn phát triển nguồn nhân lực (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính); Dịch vụ môi giới bất động sản; bãi đỗ xe và các công trình công cộng.
- Các ngành nghề kinh doanh khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn thông thường là trong vòng 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 16 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Mua thêm cổ phần tại Công ty liên kết, đạt tỷ lệ kiểm soát chi phối nhưng không ghi nhận chuyển đổi thành Công ty con do thay đổi mục đích đầu tư:

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T (“FLD”) đã nhận chuyển nhượng 300.000 cổ phần Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh (“Mũi Dinh”) (tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 0,82%) với tổng giá trị là 9.000.000.000 VND từ cổ đông cá nhân của Mũi Dinh, tăng tỷ lệ vốn nắm giữ tại công ty này từ 50% lên 50,82%, làm thay đổi tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn tăng từ 49,86% lên 50,68%. Mục đích của việc FLD mua thêm cổ phần là để có tỷ lệ biểu quyết đa số tại Mũi Dinh và có quyền quyết định đối với dự án mà Mũi Dinh đang đầu tư.

Từ ngày 14 tháng 01 năm 2023 đến ngày 18 tháng 01 năm 2023, FLD đã mua từ các cổ đông không kiểm soát 3.300.000 cổ phần của Mũi Dinh, làm thay đổi tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn tăng từ 50,68% lên 59,72%. Giá mua thêm được thanh toán bằng tiền cho các cổ đông không kiểm soát, số tiền 198.000.000.000 VND.

Ngày 29 tháng 7 năm 2023, FLD đã ban hành Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ về việc cho phép và ủy quyền cho HĐQT của FLD chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư tại Mũi Dinh để thu hồi vốn do đánh giá tính hiệu quả của dự án không đạt được mức kỳ vọng trước đây. Do việc thay đổi phương án đầu tư này nên Tập đoàn tiếp tục phản ánh khoản đầu tư tại Mũi Dinh là khoản đầu tư vào

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty liên kết và hợp nhất khoản đầu tư tại Mũi Dinh vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty con cấp 2

Trong kỳ, các cổ đông còn lại của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte ("Charlotte") đã thực hiện góp vốn với số tiền là 3.000.000.000 VND tương ứng với 300.000 cổ phần. Theo đó tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ lợi ích của FLD tại Charlotte giảm từ 100% xuống 98,71%, tỷ lệ quyền biểu quyết của FLD tại Charlotte không thay đổi. Theo đó tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn tại Charlotte cũng giảm tương ứng từ 99,90% xuống 98,61%.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty con cấp 1

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
			Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (i) (viết tắt "TSC")	1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Kinh doanh các sản phẩm từ nông nghiệp	41,07%	41,07%	41,07%	41,07%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (viết tắt "DCL")	Số 150 đường 14 tháng 9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh dược phẩm, thiết bị y tế	58,05%	58,05%	58,05%	58,05%
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam (viết tắt "FXK")	Tầng 5 - Tòa Times Tower, số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T (viết tắt "FLD")	Tầng 5 - Tòa Times Tower, số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	99,90%	99,90%	99,90%	99,90%

- (i) Mặc dù tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ tại Công ty con chỉ đạt 41,07% tuy nhiên Công ty vẫn là công ty mẹ do có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

Công ty con cấp 2

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
			Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Các công ty con của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ						
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Miền Tây (viết tắt là WFC)	KCN Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV4, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Chế biến, xuất nhập khẩu nông sản	18,48%	45,00%	18,48%	45,00%
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Kinh doanh hạt giống	23,67%	98,68%	23,67%	98,68%
Công ty Cổ phần FIT Consumer (*) (viết tắt là FC)	1D, Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	Kinh doanh hàng hóa tiêu dùng	50,60%	100,00%	50,60%	100,00%
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nông Tín	276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng	31,90%	77,67%	31,90%	77,67%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
			Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Các công ty con của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long						
Công ty Liên doanh sản xuất kinh doanh, XNK Dược phẩm và Trang thiết bị y tế	Số 11, đường Lanexang, bản Hatsady, quận Chanthabory, Lào	Giới thiệu thuốc	29,61%	51,00%	29,61%	51,00%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC-Sài Gòn (*)	Số 150 đường 14 tháng 9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế	58,05%	100,00%	58,05%	100,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Số 276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm, capsule các loại	58,04%	99,98%	58,04%	99,98%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas (*)	Số 150 đường 14 tháng 9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất và kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị, y tế	58,05%	100,00%	58,05%	100,00%
Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas	Tầng 5, tòa nhà HACCI Complex tại lô 2.6, đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	48,76%	84,00%	48,76%	84,00%
Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte (viết tắt "Charlotte")	Tầng 5, tòa nhà HACCI Complex tại lô 2.6, đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	98,61%	98,71%	99,90%	100%
Công ty con của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Miền Tây						
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	KCN Sông Hậu – Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Chế biến nông sản	18,11%	98,00%	18,11%	98,00%
Công ty con của Công ty Cổ phần FIT Consumer						
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (viết tắt "Vikoda")	Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất nước khoáng và các sản phẩm từ nước khoáng, kinh doanh dịch vụ	48,34%	95,53%	48,34%	95,53%

(*) Công ty Cổ phần FIT Consumer, Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas, Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC – Sài Gòn: Toàn bộ cổ đông của các công ty này là các đơn vị thành viên của Tập đoàn. Do đó, Tập đoàn chiếm 100% quyền biểu quyết trong các công ty này.

Tỷ lệ (%) quyền biểu quyết của Tập đoàn tại công ty con cấp 2 được tính như sau:

$$\text{Tỷ lệ (\%) quyền biểu quyết của Tập đoàn tại công ty con cấp 2} = \text{Tỷ lệ (\%) quyền biểu quyết của công ty Mẹ tại công ty con cấp 2} + \text{Tỷ lệ (\%) quyền biểu quyết của các công ty con tại công ty con cấp 2}$$

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn tại các công ty con cấp 2 được tính như sau:

$$\text{Tỷ lệ (\%) lợi ích của Tập đoàn tại công ty con cấp 2} = \text{Tỷ lệ (\%) lợi ích trực tiếp của Tập đoàn (Công ty Mẹ) tại công ty con cấp 2} + \text{Tỷ lệ (\%) lợi ích gián tiếp của Tập đoàn tại công ty con cấp 2}$$

$$\text{Tỷ lệ (\%) lợi ích gián tiếp của Tập đoàn tại công ty con cấp 2} = \text{Tỷ lệ (\%) lợi ích của Công ty mẹ tại công ty con cấp 1} \times \text{Tỷ lệ (\%) lợi ích của công ty con cấp 1 tại công ty con cấp 2}$$

Tình hình hoạt động của các công ty con trong kỳ

Tình hình hoạt động của các công ty con trong kỳ không có sự thay đổi bất thường so với cùng kỳ năm trước.

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics (i)	276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối ngành hóa mỹ phẩm	24,79%	24,79%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh (ii)	Lầu 4 tòa nhà Sacombank 757 đường Thống Nhất, Phường Kinh Dinh, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải, dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán buôn đồ uống	59,72%	49,95%	59,78%	50,00%

(i) Công ty liên kết của Công ty Cổ phần FIT Consumer

(ii) Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T. Nguyên nhân khoản đầu tư vào Mũi Dinh được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ hữu xem tại thuyết minh I.5a.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 1.710 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.976 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Đối với cổ phiếu không niêm yết, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của Công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ; chi phí cấp phép khai thác mỏ nước; chi phí dự án WestFood Hậu Giang. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước

Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước của Tập đoàn bao gồm:

- Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Đánh Thạnh được Công ty đóng 02 năm một lần, chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 24 tháng.
- Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Suối Dầu chưa được phân bổ do chưa bắt đầu khai thác.

Chi phí Dự án Westfood Hậu Giang chưa hoạt động

Chi phí dự án Westfood Hậu Giang hiện đang được tập hợp chi phí và chưa được phân bổ do dự án chưa chính thức đi vào hoạt động.

Chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn hiệu lực của loại chi phí đó.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 20
Máy móc thiết bị	03 – 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	10 – 20

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong theo thời gian giao đất (từ 36 đến 38 năm). Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Các bất động sản đầu tư là nhà cửa, vật kiến trúc được khấu hao trong vòng 25-47 năm.

Tập đoàn không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận là bất động sản đầu tư và bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần FIT Cosmetics

Công ty Cổ phần Today Cosmetics

Công ty Cổ phần Đầu tư JJK Holdings

Công ty Cổ phần HHM Việt Nam

Mối quan hệ

Công ty liên kết của công ty con

Có chung thành viên quản lý chủ chốt

Cổ đông lớn của Tập đoàn

Công ty có liên quan với thành viên HĐQT, TGD và Phó TGD

Công ty có liên quan với thành viên HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Babylons	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Babylons	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty TNHH Babylons Land	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Thái Sơn	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Khang Điền Phú Quốc	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	483.711.244	792.249.584
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.509.820.632	128.275.579.403
Cộng	26.993.531.876	129.067.828.987

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<i>Cổ phiếu</i>	<i>183.020.000.000</i>	<i>(5.362.000.000)</i>	-	<i>183.020.000.000</i>	<i>(5.418.875.000)</i>	-
Cổ phiếu sàn UPCOM	6.125.000.000	(5.362.000.000)	763.000.000	6.125.000.000	(5.418.875.000)	706.125.000
Cổ phiếu không niêm yết	176.895.000.000	-	(*)	176.895.000.000	-	(*)
Cộng	183.020.000.000	(5.362.000.000)	-	183.020.000.000	(5.418.875.000)	-

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản cổ phiếu không niêm yết, do chưa có đủ các thông tin cần thiết cũng như chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý để đánh giá giá trị hợp lý của các khoản cổ phiếu này.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	5.418.875.000	4.939.112.500
Trích lập dự phòng bổ sung	-	125.650.000
Hoàn nhập dự phòng	(56.875.000)	-
Số cuối kỳ	5.362.000.000	5.064.762.500

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

Các khoản đầu tư sau đây đều có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

	Giá gốc	Giá gốc
Các khoản tiền gửi ngắn hạn	735.625.032.420	423.906.032.420
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	735.625.032.420	409.906.032.420
Chứng chỉ tiền gửi	-	14.000.000.000
Cộng	735.625.032.420	423.906.032.420

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng Thương mại. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này có lãi suất từ 4,7%-8,6%/năm (lãi suất tại thời điểm đầu năm là: 4,7%-8,6%/năm). Trong đó:

- Tổng giá trị các khoản tiền gửi đang cầm cố thế chấp đảm bảo cho các khoản vay nợ của Công ty mẹ tại các Ngân hàng Thương mại là 560.000.000.000 VND.
- Giá trị các khoản tiền gửi đang cầm cố thế chấp đảm bảo cho các khoản vay nợ của Vikoda tại Ngân hàng Thương mại là 12.000.000.000 VND.
- Giá trị các khoản tiền gửi đang cầm cố thế chấp đảm bảo cho các khoản vay nợ của FXK tại Ngân hàng Thương mại là 20.000.000.000 VND.
- Tổng giá trị các khoản tiền gửi đang cầm cố thế chấp đảm bảo cho các khoản vay nợ của DCL tại các Ngân hàng Thương mại là 121.600.032.420 VND.

2c. Đầu tư vào công ty liên kết

	Công ty Cổ phần FIT Comestics	Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh	Cộng
Số cuối kỳ			
Giá gốc	383.137.080.000	529.920.000.000	913.057.080.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(77.340.252.315)	4.680.432.432	(72.659.819.883)
Cộng	305.796.827.685	534.600.432.432	840.397.260.117
Số đầu năm			
Giá gốc	383.137.080.000	322.920.000.000	706.057.080.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(71.078.929.107)	4.546.202.807	(66.532.726.300)
Cộng	312.058.150.893	327.466.202.807	639.524.353.700

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Công ty Cổ phần FIT Comestics	Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh	Cộng
Giá trị phần sở hữu đầu năm	312.058.150.893	327.466.202.807	639.524.353.700
Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	(6.261.323.208)	134.229.625	(6.127.093.583)
Giá trị khoản đầu tư thêm trong kỳ	-	207.000.000.000	207.000.000.000
Giá trị phần sở hữu cuối kỳ	305.796.827.685	534.600.432.432	840.397.260.117

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Công ty Cổ phần FIT Comestics hoạt động chính trong kỳ là phân phối độc quyền các mặt hàng hóa, mỹ phẩm của Công ty Cổ phần Today Cosmetic. Công ty bị lỗ trong kỳ và có lỗ lũy kế.

Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh vẫn trong giai đoạn triển khai dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty liên kết: Xem Thuyết minh VII.1

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt	66.060.031.250	(*)	66.060.031.250	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ngô Việt Nam	2.272.180.000	(*)	2.272.180.000	(*)
Cộng	68.332.211.250		68.332.211.250	

(*) Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không niêm yết, do chưa có đủ các thông tin cần thiết cũng như chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý để đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	6.095.926.552	5.141.249.507
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	5.600.708.507	5.141.249.507
Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh	495.218.045	-
Phải thu khách hàng về thanh lý các khoản đầu tư (*)	-	117.973.337.600
Các khách hàng khác	-	117.973.337.600
Phải thu các khách hàng khác	283.829.597.189	373.569.821.635
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại SJ	-	51.721.740.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Goldenlife	13.751.195.476	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sagophar	15.417.973.078	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	8.567.301.435	14.778.235.395
Bệnh viện Truyền máu Huyết học	24.686.584.800	14.169.174.600
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	4.359.781.050	7.337.349.075
Các khách hàng khác	217.046.761.350	285.563.322.565
Cộng	289.925.523.741	496.684.408.742

(*) Trong kỳ, các khách hàng phải thu liên quan đến hoạt động chuyển nhượng các khoản đầu tư đã thanh toán cho Tập đoàn toàn bộ số dư phải thu bằng tiền gửi ngân hàng.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam ⁽ⁱ⁾	96.789.000.000	35.076.789.032
Công ty TNHH Akums Drugs And Pharmaceuticals	7.214.162.910	11.481.898.135
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	-	19.660.806.813
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Bạch Đằng Hải Phòng	15.000.000.000	-
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa ⁽ⁱⁱ⁾	23.633.659.250	177.276.000
Công ty TNHH Thiết bị lạnh và Cách nhiệt TST	12.925.330.000	-
Các nhà cung cấp khác	55.557.883.204	54.877.375.018
Cộng	211.120.035.364	121.274.144.998

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản trả trước của DCL cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam (Hoa Sen) theo hợp đồng mua bán tài sản liên quan đến dự án "đầu tư dây chuyền sản xuất Capsule giai đoạn 5". Tổng giá trị hợp đồng là 138.270.000.000 VND. Ngày 03/7/2023 hệ thống dây chuyền đã được bàn giao về địa điểm của DCL để thực hiện triển khai lắp đặt.
- (ii) Khoản trả trước cho Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa theo hợp đồng số 1904/2023/HỆTC/DCL-BKG ký ngày 19/04/2023 và Hợp đồng số 2103/2023/DCL-BKG ngày 21/3/2023 để thực hiện thi công lắp đặt dự án đầu tư dây chuyền sản xuất Capsule giai đoạn 5.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T (công ty con) cho Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng và Kinh doanh Nhà Sài Gòn (bên liên quan) vay theo Hợp đồng ngày 24 tháng 8 năm 2020, lãi suất 14,8%, thời hạn vay 36 tháng. Mục đích cho vay để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng và Kinh doanh Nhà Sài Gòn. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	206.827.900.803	-	192.634.698.271	-
Phải thu gốc hợp tác đầu tư	189.535.459.944	-	177.435.459.944	-
- Ông Nguyễn Ngọc Bích ⁽ⁱ⁾	135.925.459.944	-	135.925.459.944	-
- Công ty Cổ phần FIT Cosmetics ⁽ⁱⁱ⁾	7.600.000.000	-	7.600.000.000	-
- Công ty Cổ phần Today Cosmetics ⁽ⁱⁱ⁾	46.010.000.000	-	33.910.000.000	-
Phải thu lợi nhuận hợp tác đầu tư và cho vay	12.040.452.699	-	9.947.250.167	-
- Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	750.493.150	-	467.835.616	-
- Công ty Cổ phần Today Cosmetics	5.190.071.785	-	3.379.526.787	-
- Ông Nguyễn Ngọc Bích	6.099.887.764	-	6.099.887.764	-
Các khoản thu hộ, chi hộ	5.251.988.160	-	5.251.988.160	-
- Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	5.251.988.160	-	5.251.988.160	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.681.049.368.430	(9.538.465.305)	2.783.562.146.815	(9.538.465.305)
Phải thu gốc hợp tác đầu tư ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.282.056.599.184	-	2.136.246.599.184	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam	350.000.000.000	-	387.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phố Hiến Việt Nam	601.140.000.000	-	491.530.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tri Việt	389.095.000.000	-	394.735.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng	434.740.000.000	-	419.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư KVN Việt Nam	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Du lịch Crystal Bay	55.900.000.000	-	55.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	94.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Ông Nguyễn Phi Long	100.000.000.000	-	-	-
Ông Võ Đình Bảo	-	-	30.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Cao Trọng Hoan	217.181.599.184		217.181.599.184	
Phải thu gốc ủy thác đầu tư ^(iv)	226.096.844.042	-	239.896.844.042	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	22.083.596.179	-	11.164.975.367	-
Lợi nhuận từ hợp tác đầu tư, cho vay	85.699.069.391	-	36.385.256.919	-
Lãi ủy thác và phạt chậm thanh toán	5.846.128.767	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	1.168.513.555	-	176.138.288.735	-
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	42.640.294.780	(689.833.740)	40.705.472.430	(689.833.740)
Phải thu khoản ứng tiền làm thủ tục xây dựng nhà máy sản Bình Định	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	11.958.322.532	(5.348.631.565)	139.524.710.138	(5.348.631.565)
Cộng	2.887.877.269.233	(9.538.465.305)	2.976.196.845.086	(9.538.465.305)

- (i) Các hợp đồng hợp tác đầu tư với các cá nhân là bên liên quan bao gồm các hợp đồng như sau:
- Các hợp đồng hợp tác đầu tư với Ông Nguyễn Ngọc Bích nhằm mục đích đầu tư vào bất động sản. Lợi nhuận Công ty được phân chia cuối kỳ tính trên Vốn góp của Công ty tại Hợp đồng hợp tác đầu tư.
- (ii) Các hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn hợp tác từ 6 tháng đến 12 tháng tại TSC, TSC được hưởng lợi nhuận tối thiểu từ 6%-10,5%/năm.
- (iii) Các hợp đồng hợp tác đầu tư với các cá nhân và các tổ chức kinh tế không phải bên liên quan bao gồm hai nhóm hợp đồng như sau:
- Hợp đồng hợp tác giữa Ông Cao Trọng Hoan với các đơn vị trong Tập đoàn với mục đích hợp tác đầu tư đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất thông qua hợp tác đầu tư vào Bất động sản tại thị trường thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản đảm bảo là các dự án hợp tác theo quy định của hợp đồng hợp tác, và mọi tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông Cao Trọng Hoan. Lợi nhuận được phân chia cuối kỳ khi phát sinh doanh thu hoặc hưởng theo lãi suất là 13,5%/năm tùy theo từng hợp đồng.
 - Các hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn hợp tác từ 6 tháng đến 12 tháng, Tập đoàn được hưởng lợi nhuận tại thời điểm cuối kỳ là từ 5,1% - 15%/năm (lợi nhuận đầu năm: 5,1% - 12,00%/năm). Các hợp đồng hợp tác được đảm bảo bằng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bất động sản mà bên đối tác đầu tư.
 - Các khoản hợp tác đầu tư không có thời hạn giữa Tập đoàn với các bên nhằm mục đích đầu tư bất động sản. Lợi nhuận từ việc đầu tư này được phân chia theo tỷ lệ góp vốn giữa các bên. Trong đó, tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các hợp đồng từ 94,52% đến 95,14%. Hồ sơ liên quan đến các bất động sản hợp tác đầu tư như Hợp đồng chuyển nhượng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,... do Công ty nắm giữ.
- (iv) Các hợp đồng ủy thác đầu tư cho các cá nhân và các tổ chức kinh tế không phải bên liên quan, cụ thể như sau:
- Ủy thác của WFC cho Bà Lê Hồng Phượng theo Hợp đồng ủy thác ngày 20/7/2022 để Bên nhận ủy thác thay mặt WFC thực hiện giao dịch, quản lý và phối hợp chuyển nhượng/chuyển giao cổ phiếu ủy thác (là 665.938 cổ phiếu CTCP Nông nghiệp Mùa Xuân Hậu Giang) và các khoản lợi nhuận từ cổ phiếu này theo yêu cầu của Công ty con. Công ty con có toàn quyền sở hữu đối với cổ phiếu ủy thác và toàn bộ lợi nhuận thực tế phát sinh từ cổ phiếu ủy thác, được hưởng toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh từ cổ phiếu ủy thác trong thời gian thực hiện hợp đồng. Hợp đồng này không có phí ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Ủy thác của WFC cho Ông Nguyễn Thiện Ân theo các hợp đồng ủy thác ngày 16/9/2020 và 06/12/2019 để Bên nhận ủy thác thực hiện nhận chuyển nhượng và đứng tên người sử dụng đất trên GCN quyền sử dụng đất 04 lô đất tại phường An Bình, quận Ninh Kiều, tỉnh Cần Thơ. Bên nhận ủy thác có nghĩa vụ thực hiện quản lý tài sản ủy thác theo yêu cầu của WFC. WFC được hưởng toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh từ tài sản ủy thác trong thời gian thực hiện hợp đồng. Lợi tức ủy thác sẽ theo thỏa thuận vào ngày kết thúc hợp đồng.
- Ủy thác của WFC cho Ông Nguyễn Duy Thanh và Ông Chu Thanh Quân theo các hợp đồng ủy thác ngày 20/7/2022 để Bên nhận ủy thác thay mặt WFC thực hiện giao dịch và quản lý cổ phần ủy thác (là 140.000 cổ phần CTCP Westfood Hậu Giang). WFC là chủ sở hữu của toàn bộ số cổ phần ủy thác và toàn bộ lợi nhuận thực tế phát sinh từ cổ phần ủy thác, được hưởng toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh từ cổ phần ủy thác trong thời gian thực hiện hợp đồng. Hợp đồng này không có phí ủy thác.
- Ủy thác của TSC cho Ông Nguyễn Đức Tuấn theo hợp đồng ủy thác không hủy ngang ngày 07 tháng 11 năm 2022 và phụ lục ngày 01/4/2023, Công ty thanh toán thay Ông Nguyễn Đức Tuấn các hợp đồng mua 7.800.000 cổ phần Công ty Cổ phần Hạt giống TSC (thời gian mua lại từ ngày 10 tháng 11 năm 2022 đến ngày 14 tháng 11 năm 2022), giá mua 93.600.000.000 VND. Ông Nguyễn Đức Tuấn có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty số tiền trên trong thời gian 6 tháng kèm theo mức lãi suất 9%/năm. Hợp đồng được gia hạn thêm 12 tháng và phát sinh thêm tiền lãi chậm thanh toán được tính với mức lãi suất 4,5%. Khoản ủy thác được đảm bảo bằng số cổ phần thanh toán thay.
- Ủy thác của FLD cho Bà Lê Hồng Phượng theo các hợp đồng ủy thác số 01-19012021/HTDT/FITLAND – LHPhuong ngày 19 tháng 01 năm 2021 và các phụ lục đã ký nhằm mục đích đầu tư vào các bất động sản.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký cược, ký quỹ dài hạn	4.525.200.000	1.888.200.000

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	116.388.395	(81.471.876)	116.388.395	(81.471.876)
Công ty cổ phần Fit Cosmetics	116.388.395	(81.471.876)	116.388.395	(81.471.876)
Phải thu khách hàng	64.272.029.876	(49.461.124.057)	152.759.080.613	(96.029.626.422)
DNTN Trung Đông	3.520.000.000	(3.520.000.000)	3.520.000.000	(3.520.000.000)
Maxwill (Asia) Pte Ltd	3.508.884.959	(3.508.884.959)	3.508.884.959	(3.508.884.959)
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại SJ	-	-	51.721.740.000	(14.016.266.460)
Công ty TNHH Dược Phẩm Thiên Sơn	-	-	16.428.897.499	(16.428.897.499)
Công ty TNHH Dược Phẩm Hải Tâm	-	-	4.976.554.629	(4.976.554.629)
MEDICAL SUPPLY Pharm Enterprise	-	-	3.303.752.851	(3.303.752.851)
Các khách hàng khác	57.243.144.917	(42.432.239.098)	69.299.250.675	(50.275.270.024)
Phải thu khác	9.538.465.305	(9.538.465.305)	9.538.465.305	(9.538.465.305)
Ông Đỗ Văn Tâm	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	970.907.580	(970.907.580)	1.688.975.103	(1.688.975.103)
Phải thu các khoản chi hộ	4.377.723.985	(4.377.723.985)	3.717.599.787	(3.717.599.787)
Phải thu tiền tạm ứng	689.833.740	(689.833.740)	631.890.415	(631.890.415)
Trả trước cho người bán	6.952.470.036	(6.952.470.036)	6.952.470.036	(6.952.470.036)
Công ty TNHH MTV Nông sản Tân Thái Phong	2.640.025.020	(2.640.025.020)	2.640.025.020	(2.640.025.020)
Các đối tượng khác	4.312.445.016	(4.312.445.016)	4.312.445.016	(4.312.445.016)
Cộng	80.879.353.612	(66.033.531.274)	169.366.404.349	(112.602.033.639)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	112.602.033.639	90.885.891.431
Sử dụng dự phòng để xóa nợ	(31.854.444.846)	(361.374.449)
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng	(14.714.057.519)	2.748.467.900
Số cuối kỳ	66.033.531.274	93.272.984.882

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	987.408.255	-	2.143.051.886	-
Nguyên liệu, vật liệu	229.586.106.933	(7.273.365.236)	192.285.910.815	(6.570.821.095)
Công cụ, dụng cụ	11.254.527.772	-	10.951.915.748	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.636.506.143	-	1.642.390.385	-
Thành phẩm	185.615.109.803	(2.997.686.730)	182.214.643.185	(3.213.415.907)
Hàng hóa	24.818.889.102	(73.168.656)	6.342.085.467	(103.797.748)
Cộng	453.898.548.008	(10.344.220.622)	395.579.997.486	(9.888.034.750)

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 60.000.000.000 VND (số đầu năm là 60.000.000.000 VND) đã được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	9.888.034.750	4.617.341.893
Trích lập dự phòng bổ sung	3.150.277.943	2.333.808.290
Hủy hàng tồn kho	(2.694.092.071)	-
Số cuối kỳ	10.344.220.622	6.951.150.183

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	1.119.585.482	1.441.485.002
Phí quản lý hợp đồng thuê đất	1.002.668.905	-
Chi phí tư vấn, quản lý và xây dựng chiến lược thương hiệu nhãn hàng Vikoda (T.P.G)	4.740.219.992	7.182.158.384
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.077.175.095	1.560.290.427
Cộng	<u>8.939.649.474</u>	<u>10.183.933.813</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí dự án Westfood Hậu Giang chưa hoạt động	11.456.452.237	10.734.868.979
Chi phí công cụ dụng cụ	9.178.014.506	9.737.958.384
Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước	11.591.506.000	11.106.055.750
Chi phí chuyển giao công nghệ nhà máy Thạch đừa	681.521.791	817.826.149
Chi phí tư vấn, quản lý và xây dựng chiến lược thương hiệu nhãn hàng Vikoda (T.P.G)	5.347.149.167	6.616.365.833
Các chi phí trả trước dài hạn khác	6.134.134.614	4.192.472.784
Cộng	<u>44.388.778.315</u>	<u>43.205.547.879</u>

102 - C
H
Y
TU HẠN
TU VẤN
ĐI
HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	309.018.661.429	851.169.230.106	70.154.070.993	15.846.658.107	97.409.646	1.246.286.030.281
Mua trong kỳ	4.951.004.659	14.965.676.987	2.635.661.455	101.054.545	-	22.653.397.646
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.970.000.000)	(1.271.067.225)	-	-	(10.241.067.225)
Số cuối kỳ	313.969.666.088	857.164.907.093	71.518.665.223	15.947.712.652	97.409.646	1.258.698.360.702
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao	54.597.993.248	308.794.212.718	19.905.988.385	8.695.775.228	97.409.646	392.091.379.225
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	151.086.315.117	522.543.134.799	37.872.192.060	11.679.043.720	97.409.646	723.278.095.342
Khấu hao trong kỳ	6.966.125.075	19.375.439.671	2.768.004.248	577.807.153	-	29.687.376.147
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.970.000.000)	(1.271.067.225)	-	-	(10.241.067.225)
Phân loại lại	20	54.702.204	-	(54.702.224)	-	-
Số cuối kỳ	158.052.440.212	533.003.276.674	39.369.129.083	12.202.148.649	97.409.646	742.724.404.264
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	157.932.346.312	328.626.095.307	32.281.878.933	4.167.614.387	-	523.007.934.939
Số cuối kỳ	155.917.225.876	324.161.630.419	32.149.536.140	3.745.564.003	-	515.973.956.438

Giá trị còn lại của tài sản cố định để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/06/2023 với giá trị là 317.220.102.291 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tài sản cố định thuê tài chính**

Là máy móc thiết bị. Chi tiết như sau

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	20.968.786.167	(349.479.769)	20.619.306.398
Thuê tài chính trong kỳ	1.908.068.091	-	1.908.068.091
Khấu hao trong kỳ	-	(2.160.480.885)	(2.160.480.885)
Số cuối kỳ	22.876.854.258	(2.509.960.654)	20.366.893.604

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản sắc thương hiệu (*)	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	107.185.506.364	988.680.000	3.449.113.533	111.623.299.897
Mua trong kỳ	-	-	2.443.350.000	2.443.350.000
Số cuối kỳ	107.185.506.364	988.680.000	5.892.463.533	114.066.649.897
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	689.916.700	689.916.700
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	10.578.250.028	326.814.210	2.200.517.763	13.105.582.001
Khấu hao trong kỳ	825.708.433	24.717.000	211.042.528	1.061.467.961
Số cuối kỳ	11.403.958.461	351.531.210	2.411.560.291	14.167.049.962
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	96.607.256.336	661.865.790	1.248.595.770	98.517.717.896
Số cuối kỳ	95.781.547.903	637.148.790	3.480.903.242	99.899.599.935
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

(*) Là bản sắc thương hiệu Dược Cửu Long

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**13. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	71.280.104.730	50.892.328.692	122.172.433.422
Số cuối kỳ	71.280.104.730	50.892.328.692	122.172.433.422
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	6.187.542.786	6.187.542.786
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	13.236.791.197	13.236.791.197
Khấu hao trong kỳ	-	536.736.510	536.736.510
Số cuối kỳ	-	13.773.527.707	13.773.527.707
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	71.280.104.730	37.655.537.495	108.935.642.225
Số cuối kỳ	71.280.104.730	37.118.800.985	108.398.905.715

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có thông tin về giá thị trường để phục vụ cho mục đích xác định giá trị hợp lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số cuối kỳ			
Tầng 5 tòa HACC1	31.826.085.906	4.745.413.201	27.080.672.705
Tầng 1 tòa nhà CT1 - Mỹ Trì	12.878.700.000	2.840.571.720	10.038.128.280
Nhà kho Cái Sơn Hàng Bàng	6.187.542.786	6.187.542.786	-
Đất Cái Sơn Hàng Bàng - Phường An Bình	1.389.654.116	-	1.389.654.116
Đất nông nghiệp - Phường An Bình	5.863.335.957	-	5.863.335.957
Đất trồng lúa tại Hậu Giang - 11 miếng	2.478.114.657	-	2.478.114.657
Đất trồng cây lâu năm phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	36.919.000.000	-	36.919.000.000
Đất trồng lúa tại phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	24.630.000.000	-	24.630.000.000
Cộng	122.172.433.422	13.773.527.707	108.398.905.715

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án Khảo sát nghiệm giống khóm MD2 tại tỉnh Hậu Giang và tỉnh Kiên Giang ⁽ⁱ⁾	979.833.477	979.833.477
Dự án Vườn Ươm chồi khóm MD2 ⁽ⁱⁱ⁾	<u>10.018.099.039</u>	<u>9.144.931.132</u>
Cộng	<u>10.997.932.516</u>	<u>10.124.764.609</u>

(i) Dự án khảo nghiệm giống khóm MD2 tại tỉnh Hậu Giang và tỉnh Kiên Giang với giá trị đầu tư sẽ được thu hồi theo giá trị sản lượng khóm MD2 từ dự án vườn ươm chồi khóm MD2 với giá trị 500 đồng/kg (là chi phí nghiên cứu tính trên sản phẩm thu vào) và giá trị sản lượng khóm mua vào thu hoạch từ chính dự án này.

(ii) Dự án vườn ươm chồi khóm MD2 để phát triển vùng nguyên liệu khóm MD2 với giá trị đầu tư sẽ được thu hồi tương ứng với giá trị số lượng khóm bán ra cho người nông dân từ chính dự án này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	3.294.730.896	11.140.174.042	(12.501.952.896)	-	1.932.952.042
Xây dựng cơ bản dở dang	209.226.697.426	18.859.859.628	-	(1.124.035.905)	226.962.521.149
Dự án Đầu tư Nhà máy tại Hậu Giang ⁽ⁱ⁾	4.888.387.833	-	-	-	4.888.387.833
Dự án Công trình Nhà máy Vikimco ⁽ⁱⁱ⁾	40.188.809.795	6.955.471.542	-	(121.367.000)	47.022.914.337
Dự án Công trình Nhà máy tại Long An ⁽ⁱⁱⁱ⁾	158.335.290.932	5.997.498.942	-	(1.002.668.905)	163.330.120.969
Các dự án khác	5.814.208.866	5.906.889.144	-	-	11.721.098.010
Cộng	212.521.428.322	30.000.033.670	(12.501.952.896)	(1.124.035.905)	228.895.473.191

- (i) Dự án Công trình nhà máy Westfood Hậu Giang theo Giấy chứng nhận đầu tư số 7133670465 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang ngày 21 tháng 10 năm 2015 mục đích để sản xuất các sản phẩm nông sản IQF và đóng lon, do Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang làm chủ đầu tư với tổng vốn đầu tư 438.000.000.000 VND, thời hạn đầu tư theo giấy phép là 41 năm. Chi phí phát sinh gồm: san lấp mặt bằng, thiết kế dự án, lương ban quản lý dự án,.... Dự án hiện tại đang tạm ngừng đầu tư do chưa đủ vùng nguyên liệu trồng khóm để sản xuất. Theo kế hoạch của Nhóm Công ty, dự án sẽ được tiếp tục được thực hiện vào thời điểm Quý 3 năm 2023.
- (ii) Công trình nhà máy Vikimco theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2651067820 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Long ngày 12 tháng 8 năm 2020 mục đích để sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế với tổng vốn đầu tư 350 tỷ VND. Dự kiến thời hạn hoàn thành là Quý 3/2023.
- (iii) Công trình nhà máy tại Long An theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6037037488 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An ngày 30 tháng 6 năm 2022 mục đích để sản xuất thuốc, dược phẩm và vật tư y tế với tổng vốn đầu tư 1.035 tỷ VND. Dự kiến thời hạn hoàn thành tháng 1/2025. Chi phí lãi vay vốn hóa trong kỳ là 4.812.417.037 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**16. Lợi thế thương mại**

	Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nông Tín	Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	6.387.565.874	163.255.255.818	12.864.385.324	620.990.283.326	4.723.270.846	808.220.761.188
Số cuối kỳ	6.387.565.874	163.255.255.818	12.864.385.324	620.990.283.326	4.723.270.846	808.220.761.188
Số đã phân bổ						
Số đầu năm	2.442.304.599	124.482.132.557	9.648.288.994	93.148.542.498	4.723.270.846	234.444.539.494
Phân bổ trong kỳ	1.127.217.506	8.162.762.790	643.219.266	31.049.514.166		40.982.713.728
Số cuối kỳ	3.569.522.105	132.644.895.347	10.291.508.260	124.198.056.664	4.723.270.846	275.427.253.222
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	3.945.261.275	38.773.123.261	3.216.096.330	527.841.740.828	-	573.776.221.694
Số cuối kỳ	2.818.043.769	30.610.360.471	2.572.877.064	496.792.226.662	-	532.793.507.966

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	14.795.712.172	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Amigo Việt Nam	10.953.540.782	-
Lao TTL Agriculture And Industrial Development Sole Co., Ltd	6.735.760.500	6.722.987.250
Các nhà cung cấp khác	50.423.118.459	48.716.492.517
Cộng	82.908.131.913	55.439.479.767

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>6.939.021.677</i>	<i>6.584.644.491</i>
Imazu Co., Ltd	836.550.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dược Thuận Gia	-	1.324.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm GOLDENLIFE	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm SAGOPHAR	1.100.000.000	-
Các khách hàng khác	3.502.471.677	5.260.644.491
Cộng	6.939.021.677	6.584.644.491

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

19a. Phải thu

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải thu phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số thực thu/bù trừ phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	120.294.058	-	(114.124.994)	6.169.064
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	270.048.155	202.285.115	(270.049.155)	202.284.115
Thuế xuất, nhập khẩu	25.142.793	906.672.255	(832.115.101)	99.699.947
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.204.940	-	(89.204.940)	-
Thuế thu nhập cá nhân	90.617.225	300.000	(3.842.106)	87.075.119
Thuế, phí khác	18.475.273	-	-	18.475.273
Cộng	613.782.444	1.109.257.370	(1.309.336.296)	413.703.518

19b. Phải nộp

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.486.079.850	3.778.534.034	(2.968.858.404)	2.295.755.480
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	10.736.391.411	(10.736.391.411)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	50.153.251	(50.153.251)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.177.472.419	17.052.419.642	(23.378.695.781)	16.851.196.280
Thuế thu nhập cá nhân	663.419.736	3.566.460.548	(3.718.696.177)	511.184.107
Thuế tài nguyên	122.328.300	1.129.216.600	(1.046.900.800)	204.644.100
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	-	1.150.438.544	(480.447.990)	669.990.554
Các loại thuế khác	-	737.437.980	(163.650.480)	573.787.500
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.205.000	108.426.009	(100.836.009)	18.795.000
Cộng	25.460.505.305	38.309.478.019	(42.644.630.303)	21.125.353.021

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng cho các hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ mà Tập đoàn cung cấp theo quy định của Luật thuế GTGT hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Miền Tây nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản. Các khoản thu nhập khác của Công ty mẹ và các công ty con trong Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty mẹ và các công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi tiền vay	1.456.462.151	1.208.219.272
Chi phí hợp đồng hợp tác đầu tư	1.685.983.559	1.394.831.232
Chi phí hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi, chiết khấu, thuê cửa hàng	10.389.758.433	21.225.660.823
Chi phí vận chuyển	319.298.264	2.338.104.546
Chi phí khác	6.620.834.895	10.701.060.261
Cộng	<u>20.472.337.302</u>	<u>36.867.876.134</u>

21. Phải trả khác

21a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	76.890.052.297	75.709.055.345
Tài sản thừa chờ giải quyết	172.739.856	172.739.856
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	2.780.718.029	1.425.453.527
Phải trả về bản án sơ thẩm	58.431.883.500	58.431.883.500
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	355.151.716	477.350.566
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	83.802.660	83.802.660
Phải trả về hợp đồng hợp tác đầu tư	13.000.000.000	13.050.000.000
- Ông Nguyễn Duy Thanh ⁽ⁱ⁾	4.000.000.000	4.000.000.000
- Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại TĐN Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	9.000.000.000	9.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt	-	50.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.065.756.536	2.067.825.236
Cộng	<u>76.890.052.297</u>	<u>75.709.055.345</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản hợp tác đầu tư với Ông Nguyễn Duy Thanh theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 02-24082020/HTDT/FITLAND ngày 24 tháng 8 năm 2020, thời gian hợp tác đầu tư là 36 tháng từ ngày 24 tháng 8 năm 2020. Công ty sẽ phải trả lợi nhuận cố định 14,8%/365 ngày mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- (ii) Là khoản tiền nhận được từ Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại TĐN Việt Nam theo hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/HTĐT/2018 ngày 09/5/2018 giữa Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (“VKD”) và Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại TĐN Việt Nam về việc hợp tác đầu tư thực hiện dự án chung cư F.I.T Tower Nha Trang trên lô đất tại số 28 đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (Chi tiết thuyết minh VII.4).

21b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược	10.509.790.430	10.623.430.430
Cộng	10.509.790.430	10.623.430.430

22. Vay và nợ tài chính ngắn hạn/dài hạn

22a. Vay và nợ tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng⁽ⁱ⁾	837.158.866.720	601.817.186.973
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	(3.858)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	296.794.166.083	230.755.886.373
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	61.499.686.435	51.600.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	147.560.398.606	159.644.435.934
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	23.799.471.696	22.000.731.752
Ngân hàng TMCP Quân đội	78.858.395.227	99.667.119.050
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	228.646.748.673	38.149.017.722
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	39.004.041.769
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	-	39.004.041.769
Vay dài hạn đến hạn trả	56.134.440.621	62.747.773.887
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	30.425.000.004	30.425.000.004
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	25.709.440.617	32.322.773.883
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	13.913.255.640	3.580.080.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	13.913.255.640	3.580.080.000
Cộng	907.206.562.981	707.149.082.629

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(i) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Chi tiết như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Hạn mức (VND)</i>	<i>Thời hạn</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Công ty Mẹ vay thấu chi)	400 tỷ	14/04/2024	Lãi suất trong hạn từ 5,8% -8,6%	Các hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền là 350 tỷ VND
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam (Công ty Mẹ vay)	10 tỷ	Thời hạn vay từ 07/03/2023, thời hạn tối đa không quá 5 tháng	Lãi suất trong hạn 7,0%	Thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, giá trị 10 tỷ
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam (Công ty Mẹ vay)	12 tỷ	Thời hạn vay tối đa không quá 12 tháng	Lãi suất trong hạn 2,75%+ lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tương ứng	Tài sản đảm bảo là bên liên quan (xem thuyết minh VII.1)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An (công ty mẹ vay)	194 tỷ	31/12/2023	Lãi suất trong hạn 6,9%	Các hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền là 200 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (WFC vay)	50 tỷ VND	Không quá 6 tháng với mỗi khoản vay và thời hạn hợp đồng là 12 tháng	Lãi suất trong hạn 4,2%-6,7%	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (VKD vay)	25 tỷ VND	Không quá 04 tháng	Lãi suất trong hạn 7,1%-8,4%	Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển, tiền gửi có kỳ hạn và tài sản cố định của VKD
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Diên Khánh (VKD vay)	25 tỷ VND	Không quá 05 tháng	Lãi suất trong hạn 8,1%-9,3%	TSĐB là các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, nhà xưởng
Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng (FXK vay thấu chi)	19,999 tỷ VND	từ 05/04/2023 - 05/04/2024	Lãi suất trong hạn 7,50%	TSĐB là hợp đồng tiền gửi có tổng giá trị là 20 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (DCL vay)	50 tỷ VND	không quá 12 tháng	Lãi suất trong hạn 6,8%-8,3%	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (DCL vay)	100 tỷ VND	không quá 06 tháng	Lãi suất trong hạn 7%-8,5%	Tài sản cố định hình thành từ dự án Capsule 3, máy móc thuộc dự án Capsule 4, tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho giá trị 10 tỷ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Hạn mức (VND)</i>	<i>Thời hạn</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ (DCL vay)	100 tỷ VND	không quá 06 tháng	Lãi suất trong hạn 8% -8,5%	Đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (DCL vay)	50 tỷ VND	từ 08/06/2022 đến 08/06/2023	Lãi suất trong hạn 8,5% - 9%	Đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hàng hóa, tài sản.
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – chi nhánh Thanh Xuân (DCL vay)	50 tỷ VND	không quá 12 tháng	Lãi suất trong hạn 7%	Đảm bảo bằng thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các tổ chức khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Số cuối kỳ
Số đầu năm	601.817.186.973	39.004.041.769	62.747.773.887	3.580.080.000	707.149.082.629
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	1.147.948.974.001	-	-	-	1.147.948.974.001
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	27.750.023.002	12.123.215.640	39.873.238.642
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(912.607.294.254)	(39.004.041.769)	(34.363.356.268)	(1.790.040.000)	(987.764.732.291)
Số cuối kỳ	837.158.866.720	-	56.134.440.621	13.913.255.640	907.206.562.981

22b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	134.120.661.718	146.654.686.995
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽ⁱ⁾	59.800.759.326	75.013.259.328
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	74.319.902.392	71.641.427.667
Nợ thuê tài chính	70.448.314.420	14.319.920.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	70.448.314.420	14.319.920.000
Cộng	204.568.976.138	160.974.606.995

- (i) Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng số 08/HĐCVTL/NHCT320-DUOCCL ngày 08 tháng 08 năm 2022 với mục đích thanh toán chi phí thuê đất tại KCN Hựu Thạnh, tỉnh Long An theo Hợp đồng thuê lại đất tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh số 42/TCT-ĐT ngày 28/07/2022 ký giữa công ty CP Dược phẩm Cửu Long và Tổng Công ty IDICO; hạn mức là 121.700.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Khoản vay được thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của khu đất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các Hợp đồng:
- Theo hợp đồng số 06/HĐĐTDA-VLO.KH ngày 03 tháng 07 năm 2017 với mục đích thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án "đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule III - Giai đoạn 1" tại số 21B, Phan Đình Phùng, Phường 8, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long làm chủ đầu tư; hạn mức là 111.915.145.300 VND, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT, thời hạn vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ; thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng văn bản nhận nợ, lãi suất cho vay cố định quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được thế chấp là toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3 theo các Hợp đồng thế chấp từ số 200-202/HĐTC-VLO.KH ngày 03/07/2017.
 - Theo hợp đồng số 03/HĐĐTDA-VLO.KH ngày 29 tháng 01 năm 2021 với mục đích thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án "đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule - Giai đoạn 4" tại số 21B, Phan Đình Phùng, Phường 8, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long làm chủ đầu tư; hạn mức là 140.000.000.000 VND, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT, thời hạn vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ; thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng văn bản nhận nợ, lãi suất cho vay cố định quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được thế chấp là toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3 theo các Hợp đồng thế chấp từ số 200-201/HĐTC-VLO.KH ngày 03/07/2017 và Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 03/HĐTC-VLO.KH ngày 29/01/2021.
 - Khoản vay tại Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Xuất khẩu miền Tây theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 131/DN/TDH/2022 ngày 28/11/2022, số tiền cho vay tối đa của hợp đồng là 3.500.000.000 VND, giải ngân lần 1 ngày 30/11/2022 số tiền 1.747.102.500 VND, thời hạn 60 tháng, lãi suất cố định 2 năm đầu là 11%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng máy móc thiết bị của Công ty theo Hợp đồng thế chấp số 192/DN/BD/2022 ngày 28 tháng 11 năm 2022.
 - Hợp đồng số 51/DN/TDH/2023 ngày 25/05/2023, số tiền vay theo hợp đồng 17.087.000.000 VND, giải ngân đợt 1 ngày 25/05/2023 số tiền 13.811.797.725 VND. Lãi suất cho vay cố định 9,3%/năm trong 02 năm đầu, sau thời gian cố định: lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở + biên độ theo thông báo của Vietcombank. Khoản vay được thế chấp bằng máy móc thiết bị của Công ty theo Hợp đồng thế chấp số: 65/DN/BD/2023 ngày 24/05/2023.
- (iii) Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo 3 hợp đồng gồm:
- Hợp đồng số 02.086/2022/TSC-CTTC ngày 29/11/2022 là máy móc thiết bị với số tiền: 22.646.289.061 VND trong thời hạn thuê 5 năm và lãi suất thay đổi theo phụ lục kèm theo.
 - Hợp đồng số 02.001/2023/TSC-CTTC ngày 31/01/2023 là dây chuyền sản xuất viên nang cứng rỗng với số tiền: 138.270.000.000 VND trong thời hạn 7 năm và lãi suất thay đổi theo phụ lục kèm theo.
 - Hợp đồng số 24/2023/MN.CN-CTTC ngày 16/03/2023 là xe ô tô tải (đông lạnh) với số tiền: 2.083.034.000 VND. Lãi suất cho thuê áp dụng trong thời gian 03 tháng kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên là: 10,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng cộng</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối kỳ				
Vay ngân hàng	190.255.102.339	56.134.440.621	134.120.661.718	-
Nợ thuê tài chính	84.361.570.060	13.913.255.640	53.804.730.420	16.643.584.000
Cộng	274.616.672.399	70.047.696.261	187.925.392.138	16.643.584.000
Số đầu năm				
Vay ngân hàng	209.402.460.882	62.747.773.887	146.654.686.995	-
Nợ thuê tài chính	17.900.000.000	3.580.080.000	14.319.920.000	-
Cộng	227.302.460.882	66.327.853.887	160.974.606.995	-

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Tiền gốc phải trả	13.913.255.640	53.804.730.420	16.643.584.000	84.361.570.060
Lãi thuê phải trả	9.050.495.986	19.651.904.523	1.670.693.608	30.373.094.117
Nợ thuê tài chính phải trả	22.963.751.626	73.456.634.943	18.314.277.608	114.734.664.177
Số đầu năm				
Tiền gốc phải trả	3.580.080.000	14.319.920.000	-	17.900.000.000
Lãi thuê phải trả	1.854.909.979	2.755.182.888	-	4.610.092.867
Nợ thuê tài chính phải trả	5.434.989.979	17.075.102.888	-	22.510.092.867

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Vay dài hạn ngân hàng</u>	<u>Nợ thuê tài chính</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	146.654.686.995	14.319.920.000	160.974.606.995
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	15.215.997.725	70.870.000.000	86.085.997.725
Số tiền vay đã trả	-	(2.618.389.940)	(2.618.389.940)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(27.750.023.002)	(12.123.215.640)	(39.873.238.642)
Số cuối kỳ	134.120.661.718	70.448.314.420	204.568.976.138

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	13.363.351.473	13.324.525.204
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	3.000.000.000	2.916.367.276*
Tăng khác	-	2.000.000
Chi quỹ	(1.874.256.510)	(755.391.316)
Số cuối kỳ	14.489.094.963	15.487.501.164

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

24a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do hợp nhất.
Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	6.204.085.258	2.701.151.451
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	<u>(2.781.929.705)</u>	<u>1.824.365.703</u>
Số cuối kỳ	<u>3.422.155.553</u>	<u>4.525.517.154</u>

24b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do hợp nhất.
Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	7.877.537.814	4.478.608.735
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	<u>1.852.461.585</u>	<u>(35.976.709)</u>
Số cuối kỳ	<u>9.729.999.399</u>	<u>4.442.632.026</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	2.627.302.470.000	75.260.693.198	80.481.887.391	646.388.781	527.630.076.345	1.388.387.415.703	4.699.708.931.418
Phát hành cổ phần để trả cổ tức	262.723.930.000	-	-	-	(262.723.930.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	509.303.940.000	(333.132.556)	-	-	-	-	508.970.807.444
CĐKKS góp thêm vốn vào các công ty con	-	-	-	-	-	645.170.560.000	645.170.560.000
Thay đổi tỷ lệ lợi ích trong DCL	-	-	-	-	68.352.090.516	(68.352.090.516)	-
Chi phí phát hành cổ phiếu TSC	-	-	-	-	(140.952.240)	(202.247.758)	(343.199.998)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích trong FIT Consumer	-	-	-	-	795.266.822	(795.266.822)	-
Mua thêm VKD từ CĐKKS	-	-	-	-	(55.780.786.265)	(130.132.065.335)	(185.912.851.600)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	27.655.668.315	26.405.263.775	54.060.932.090
Trích quỹ KTPL Công ty con	-	-	-	-	(1.521.858.717)	(1.394.508.559)	(2.916.367.276)
Số dư tại 30/06/2022	3.399.330.340.000	74.927.560.642	80.481.887.391	646.388.781	304.265.574.776	1.859.087.060.488	5.718.738.812.078
Số dư tại 01/01/2023	3.399.330.340.000	74.895.160.642	80.481.887.391	646.388.781	293.405.349.182	2.015.806.494.922	5.864.565.620.918
Cổ đông không kiểm soát tại Công ty con góp thêm vốn	-	-	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Charlotte	-	-	-	-	226.628	(226.628)	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	6.934.227.437	25.996.346.614	32.930.574.051
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	-	(1.741.594.389)	(1.258.405.611)	(3.000.000.000)
Số dư tại 30/06/2023	3.399.330.340.000	74.895.160.642	80.481.887.391	646.388.781	298.598.208.858	2.043.544.209.297	5.897.496.194.969

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

25b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	339.933.034	339.933.034
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	339.933.034	339.933.034
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	339.933.034	339.933.034

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

26a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
USD	270.022,18	101.188,83
EUR	258,51	308,96

26b. Nợ khó đòi đã xử lý

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Tờ trình số 07/2023/TT-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, Công ty đã tiến hành xóa nợ cho một số đối tượng công nợ lâu ngày khó đòi đã không còn khả năng thu hồi phát sinh từ năm 2015:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Sơn	16.428.897.499	-
Công ty TNHH Dược Phẩm Hải Tâm	4.975.554.629	-
Medical Suplly Pharm Enterprise (Cambodia)	3.416.271.572	-
Drug Sivilay Import Export Co. (Lào)	1.310.050.560	-
Các đối tượng khác	3.622.105.757	-
Cộng	<u>29.752.880.017</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	138.267.909.955	313.637.416.700
Doanh thu bán thành phẩm	598.310.753.050	706.887.204.474
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.034.941.903	-
Doanh thu cho thuê bất động sản	2.180.466.259	1.910.560.697
Cộng	740.794.071.167	1.022.435.181.871

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Xem Thuyết minh VII.1.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	12.977.195.258	11.007.321.088
Hàng bán bị trả lại	4.804.504.677	1.781.105.771
Giảm giá hàng bán	282.697.592	1.684.066.816
Cộng	18.064.397.527	14.472.493.675

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	121.489.746.358	311.387.230.823
Giá vốn của thành phẩm đã bán	459.434.600.753	485.950.946.245
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	557.294.897	-
Giá vốn dịch vụ cho thuê bất động sản	1.516.268.839	1.225.712.903
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.150.277.943	2.333.808.290
Cộng	586.148.188.790	800.897.698.261

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.117.187.013	31.309.038.396
Lãi đầu tư chứng khoán kinh doanh, đầu tư tài chính	-	44.640.585.229
Cổ tức, lợi nhuận được chia	70.000.000	124.869.898
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	852.600.307	1.317.468.394
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	61.538.596
Lãi hoạt động ủy thác đầu tư	5.289.879.452	-
Lãi hoạt động hợp tác đầu tư	62.166.810.267	50.072.243.853
Cộng	94.496.477.039	127.525.744.366

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu và chi phí phát hành trái phiếu	31.551.516.387	30.217.109.108
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.717.031.695	479.886.825
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	275.035.948	1.002.656.481
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(56.875.000)	125.650.000
Chi phí từ hoạt động hợp tác đầu tư	390.529.863	6.564.926.948
Chi phí tài chính khác	-	3.000.000
Cộng	33.877.238.893	38.393.229.362

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	23.558.966.984	44.227.169.612
Chi phí vật liệu, bao bì	7.041.443.884	324.201.398
Chi phí khấu hao tài sản cố định	904.972.842	760.120.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.905.282.244	52.817.048.519
Các chi phí khác	4.507.114.075	13.485.908.896
Cộng	52.917.780.029	111.614.449.325

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	27.441.680.390	29.038.945.020
Chi phí đồ dùng văn phòng	607.585.325	491.215.506
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.755.293.335	4.704.072.776
Thuế, phí và lệ phí	294.801.456	293.437.554
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(14.714.057.519)	2.748.467.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.886.240.324	16.558.096.836
Phân bổ lợi thế thương mại	40.982.713.728	40.982.713.729
Các chi phí khác	9.205.362.990	9.956.435.050
Cộng	85.459.620.029	104.773.384.371

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	6.934.227.437	27.655.668.315
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	6.934.227.437	27.655.668.315
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	339.933.034	294.661.573
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	20	94

Tập đoàn không ước tính số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại công ty con, do không trọng yếu.

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	339.933.034	262.730.247
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành để chia cổ tức	-	26.272.393
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 10 tháng 06 năm 2022	-	5.658.933
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	339.933.034	294.661.573

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	422.940.255.572	441.513.432.554
Chi phí nhân công;	124.567.770.064	145.748.106.264
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	33.823.087.113	34.221.020.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài;	24.476.820.284	108.070.244.147
Chi phí dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng	(14.714.057.520)	2.748.467.900
Chi phí khác bằng tiền.	77.448.955.929	31.156.329.352
Cộng	668.542.831.442	763.457.601.119

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Tập đoàn phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ông Cao Trọng Hoan – Thành viên HĐQT		
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	5.477.882.777	3.253.298.960
Ông Nguyễn Ngọc Bích – Tổng Giám đốc		
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	-	4.044.247.931

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, ngoài công nợ phải thu Ông Nguyễn Ngọc Bích (xem thuyết minh V.6) Tập đoàn không có công nợ khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Ông Nguyễn Văn Ba (người có liên quan với Chủ tịch HĐQT) đã dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty mẹ tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 12.000.000.000 VND (xem thuyết minh “Vay ngắn hạn”).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	210.000.000	210.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	2.481.630.676	824.197.542
Cộng	2.691.630.676	1.034.197.542

Họ tên	Chức vụ	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	30.000.000
Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT	24.000.000	209.879.080
Cao Trọng Hoan	Thành viên HĐQT (đến 24/5/2023)	18.967.742	24.000.000
Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT	24.000.000	1.866.667
Vũ Thị Minh Hoài	Thành viên HĐQT	24.000.000	170.800.454
Vũ Anh Trọng	Thành viên độc lập HĐQT	24.000.000	1.866.667
Đào Hữu Long	Thành viên độc lập HĐQT (từ 17/6/2022 đến 24/5/2023)	18.967.742	1.866.667
Kiều Hữu Dũng	Thành viên HĐQT (đến 17/6/2022)	-	22.133.333
Phan Minh Sáng	Thành viên HĐQT (đến 17/6/2022)	-	22.133.333
Đỗ Văn Khả	Thành viên độc lập HĐQT (đến 17/6/2022)	-	22.133.333
Bùi Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT (đến 17/6/2022)	-	22.133.333
Phạm Tuấn Sơn	Thành viên HĐQT (từ 24/5/2023)	5.032.258	-
Đình Quốc Hùng	Thành viên độc lập HĐQT (từ 24/5/2023)	5.032.258	-
Ngô Thu Trang	Trưởng BKS (từ 17/06/2022)	18.000.000	1.400.000
Nguyễn Quang Huy	Trưởng BKS (đến 17/06/2022)	-	16.600.000
Nguyễn Thị Thảo	Thành viên BKS (từ 17/06/2022)	7.112.903	700.000
Võ Đình Bảo	Thành viên BKS (từ 17/06/2022)	9.000.000	700.000
Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS (đến 17/06/2022)	-	8.300.000
Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS (đến 17/06/2022)	1.887.097	8.300.000
Nguyễn Thị Hoài	Tổng Giám đốc (từ 04/04/2022)	469.574.648	453.223.059
Nguyễn Ngọc Bích	Tổng Giám đốc (đến 04/04/2022 và tái bổ nhiệm từ 04/04/2023)	-	16.161.616
Vũ Thị Minh Hoài	Phó Tổng Giám đốc (từ 05/04/2022 đến 04/04/2023)	177.123.970	-
Nguyễn Ngọc Thắng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01/10/2022)	855.123.970	-
Nguyễn Văn Bản	Phó Tổng Giám đốc (từ 14/3/2023)	725.198.588	-
Lê Việt Cường	Kế toán trưởng (từ 05/09/2022)	254.609.500	-
Tổng cộng		2.691.630.676	1.034.197.542

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh	Công ty liên kết của công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư JJK Holdings	Cổ đông lớn của Tập đoàn Công ty có liên quan với thành viên HĐQT, TGD và Phó TGD
Công ty Cổ phần HHM Việt Nam	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Tập đoàn Babylons	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Babylons	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty TNHH Babylons Land	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Thái Sơn	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Khang Điền Phú Quốc	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan khác

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần FIT Cosmetics</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	11.764.055	311.591.493
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	282.657.534	355.019.178
Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	417.690.000	455.661.818
<i>Công ty Cổ phần Today Cosmetics</i>		
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	1.810.544.998	1.093.276.505
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng và Kinh doanh Nhà Sài Gòn</i>		
Lãi cho vay	2.514.806.359	2.190.597.874
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư JJK Holdings</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	90.899.527	87.693.190
<i>Công ty Cổ phần Cap Padanra Mũi Dinh</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.085.918.134	83.711.079
Lãi hợp tác đầu tư phải trả	-	3.078.843.404

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6 và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác

2. Thông tin về bộ phận

2a. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

	<u>Miền Bắc</u>	<u>Miền Nam</u>	<u>Loại trừ</u>	<u>Tổng Cộng</u>
<i>Số cuối kỳ</i>				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	6.173.009.842.034	4.841.508.049.246	(3.733.884.762.490)	<u>7.280.633.128.790</u>
Tổng tài sản				<u>7.280.633.128.790</u>
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	1.219.850.399.867	921.671.408.366	(758.384.874.412)	<u>1.383.136.933.821</u>
Tổng nợ phải trả				<u>1.383.136.933.821</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Số đầu năm**

Tài sản

Tài sản bộ phận	6.097.799.544.918	4.829.059.788.633	(3.929.147.077.638)	6.997.712.255.913
-----------------	-------------------	-------------------	---------------------	-------------------

Tổng tài sản**6.997.712.255.913**

Nợ phải trả

Nợ phải trả bộ phận	1.152.497.850.928	939.840.813.089	(959.192.029.021)	1.133.146.634.996
---------------------	-------------------	-----------------	-------------------	-------------------

Tổng nợ phải trả**1.133.146.634.996****Miền Bắc****Miền Nam****Loại trừ****Tổng Cộng****Kỳ này**

Doanh thu thuần

bán hàng ra bên ngoài	3.773.589.978	718.956.083.662	-	722.729.673.640
-----------------------	---------------	-----------------	---	-----------------

Doanh thu thuần

bán hàng cho các bộ phận khác	9.637.049.235	-	(9.637.049.235)	
-------------------------------	---------------	---	-----------------	--

Tổng doanh thu**13.410.639.213**

Giá vốn

	8.285.900.368	584.130.001.694	(6.267.713.272)	586.148.188.790
--	---------------	-----------------	-----------------	-----------------

Lợi nhuận gộp

	5.124.738.845	134.826.081.968	(3.369.335.963)	136.581.484.850
--	---------------	-----------------	-----------------	-----------------

Phần lãi hoặc lỗ

trong công ty liên doanh, liên kết	134.229.625	(6.261.323.208)	-	(6.127.093.583)
------------------------------------	-------------	-----------------	---	-----------------

Chi phí bán hàng

và chi phí quản lý doanh nghiệp	18.002.379.986	114.520.051.881	5.854.968.191	138.377.400.058
---------------------------------	----------------	-----------------	---------------	-----------------

Lợi nhuận khác

	(215.003.651)	2.235.663.720	(10.299.503)	2.010.360.566
--	---------------	---------------	--------------	---------------

Doanh thu tài

chính	65.600.377.340	56.154.109.506	(27.258.009.807)	94.496.477.039
-------	----------------	----------------	------------------	----------------

Chi phí tài chính

	44.774.956.345	20.804.710.567	(31.702.428.019)	33.877.238.893
--	----------------	----------------	------------------	----------------

Tổng lợi nhuận kế

toán trước thuế	7.867.005.828	51.629.769.538	(4.790.185.445)	54.706.589.921
-----------------	---------------	----------------	-----------------	----------------

Chi phí thuế thu

nhập doanh nghiệp hiện hành	2.875.028.026	14.266.596.556	-	17.141.624.582
-----------------------------	---------------	----------------	---	----------------

Chi phí thuế thu

nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	3.745.507.646	888.883.642	4.634.391.288
----------------------------	---	---------------	-------------	---------------

Lợi nhuận sau**thuế thu nhập****doanh nghiệp**

	4.991.977.802	33.617.665.336	(5.679.069.087)	32.930.574.051
--	---------------	----------------	-----------------	----------------

Kỳ trước**Miền Bắc****Miền Nam****Loại trừ****Tổng Cộng**

Doanh thu thuần

bán hàng ra bên ngoài	1.910.560.697	1.006.052.127.499	-	1.007.962.688.196
-----------------------	---------------	-------------------	---	-------------------

Doanh thu thuần

bán hàng cho các bộ phận khác	7.240.597.552	16.069.272	(7.256.666.824)	-
-------------------------------	---------------	------------	-----------------	---

Tổng doanh thu**9.151.158.249**

Giá vốn

	5.351.404.058	799.727.361.998	(4.181.067.795)	800.897.698.261
--	---------------	-----------------	-----------------	-----------------

Lợi nhuận gộp

	3.799.754.191	206.340.834.773	(3.075.599.029)	207.064.989.935
--	---------------	-----------------	-----------------	-----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	754.341.277	(3.994.747.374)	-	(3.240.406.097)
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	22.387.286.778	187.854.225.335	6.146.321.583	216.387.833.696
Lợi nhuận khác	2.600.648.063	520.722.167	(12.683.045)	3.108.687.185
Doanh thu tài chính	59.559.442.553	80.912.210.967	(12.945.909.154)	127.525.744.366
Chi phí tài chính	24.361.095.503	26.382.399.081	(12.350.265.222)	38.393.229.362
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.965.803.803	69.542.396.117	(9.830.247.589)	79.677.952.331
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.353.712.861	23.123.649.790	-	27.477.362.651
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(1.741.213.624)	(119.128.786)	(1.860.342.410)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.612.090.942	48.159.959.951	(9.711.118.803)	54.060.932.090

2b. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tập đoàn được chia thành 03 bộ phận hoạt động: Bộ phận tư vấn và đầu tư, Bộ phận sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu sản phẩm nông sản, vật tư kỹ thuật nông nghiệp; Bộ phận sản xuất và kinh doanh thuốc, kinh doanh thiết bị y tế. Tập đoàn lập báo cáo bộ phận theo 03 bộ phận kinh doanh này.

Dưới đây là phân tích doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tập đoàn theo lĩnh vực kinh doanh, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lĩnh vực tư vấn đầu tư	12.660.639.213	9.151.158.249
Lĩnh vực sản xuất, thương mại các sản phẩm nông nghiệp, vật tư kỹ thuật nông nghiệp	224.159.906.145	579.762.273.507
Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuốc, kinh doanh thiết bị y tế	495.546.177.517	426.305.923.264
Loại trừ doanh thu nội bộ	(9.637.049.235)	(7.256.666.824)
	<u>722.729.673.640</u>	<u>1.007.962.688.196</u>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo lĩnh vực kinh doanh của các tài sản đó:

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định vô hình, hữu hình, bất động sản đầu tư	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lĩnh vực tư vấn đầu tư	65.932.879.701	65.777.603.897	1.644.720.909	4.278.025.452
Lĩnh vực sản xuất, thương mại các sản phẩm nông nghiệp, vật tư kỹ thuật nông nghiệp	223.947.300.056	223.361.405.101	13.600.369.914	6.574.136.261
Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuốc, kinh doanh thiết bị y tế	454.759.175.935	461.941.592.460	9.851.656.823	4.530.954.000
Cộng	<u>744.639.355.692</u>	<u>751.080.601.458</u>	<u>25.096.747.646</u>	<u>15.383.115.713</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Công ty thực hiện việc phân loại trình bày lại các khoản hợp tác đầu tư của Công ty từ các khoản mục “Các khoản tương đương tiền” và “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn” sang khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 để phản ánh đúng bản chất nội dung của hợp đồng hợp tác đầu tư. Việc thực hiện phân loại trình bày lại này không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính. Ảnh hưởng của việc phân loại trình bày đến số liệu so sánh như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(90.358.690.781)	(50.088.211.524)	(40.270.479.257)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(310.671.175.775)	580.186.445.686	(890.857.621.461)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(185.333.078.403)	844.940.616	(186.178.019.019)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	275.760.000	273.260.000	2.500.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(818.388.145)	(62.996.830)	(755.391.315)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(395.223.730.759)	581.241.649.472	(926.377.168.708)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.232.283.857.705)	(3.017.631.912.500)	(214.651.945.205)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.773.062.243.728	2.349.995.143.728	423.067.100.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	63.439.915.336	44.473.330.823	18.966.584.513
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(612.117.002.380)	(623.163.437.949)	11.046.435.569
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	147.687.468.528	(41.921.788.477)	239.697.468.528
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	297.433.758.581	135.000.000.000	162.433.758.581
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	445.212.155.893	42.990.000.000	402.222.155.893

4. Nợ tiềm tàng

Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (Công ty con) và Công ty TNHH Kinh doanh thương mại TĐN Việt Nam đã ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTĐT/2018 ngày 09/05/2018 để thực hiện dự án chung cư F.I.T Tower Nha Trang trên lô đất tại số 28 đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Giá trị thương quyền mà Công ty con được nhận khi thực hiện dự án là 9.000.000.000 VND đang được ghi nhận là khoản phải trả (xem thuyết minh số V.21a), các chi phí phát sinh cho dự án đang được ghi nhận tại khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 1.636.363.636 VND và chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 61.609.091 VND. Tuy nhiên, dự án không thể thực hiện được do lô đất này đã bị thu hồi theo quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 16/05/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại thời điểm lập Báo cáo này, hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên chưa được thanh lý. Công ty chưa xác định được liệu Công ty có phải gánh chịu khoản chi phí nào do dự án không thể thực hiện được hay không.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 25 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TUQ. Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thương

Lê Việt Cường

Nguyễn Văn Bản

